

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 13/4/2023
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu

2. Ông Huỳnh Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 376/2022/QĐST – HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số A/B, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Trương Mạch Q, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số C/D đường E, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số A/B, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

(Bà D có mặt và ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2023, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Q tự quen biết và tìm hiểu nhau, năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 224, quyền 02/2014, ngày 20/11/2014. Sau khi kết hôn

bà D và ông Q về nhà của bà D tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang để sinh sống. Bà D và ông Q chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017, đầu năm 2018 bắt đầu xảy ra nhiều vấn đề mâu thuẫn, không hiểu ý nhau, không có tiếng nói chung, tính tình ông Q bắt đầu thay đổi, tính cách gia trưởng, bà D và ông Q thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, ông Q dùng nhiều lời lẽ nặng nề xúc phạm bà D. Cùng thời điểm này bệnh tình của bà D cũng nhiều thêm, nhưng ông Q lại không quan tâm, chăm sóc cho vợ của mình, mà lại luôn gây sự tranh cãi với bà D làm cho vợ chồng càng xa cách, không còn gần gũi, tình cảm dần phai nhạt, tính tình không hòa hợp. Bà D và ông Q nhiều lần tìm giải pháp hàn gắn nhưng không được nên đã ly thân từ năm 2018. Bà D nhận thấy cuộc sống vợ chồng hiện không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà D xin được ly hôn với ông Trương Mạch Q.

Về quan hệ con chung: Ông Q và bà D không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Trương Mạch Q trình bày ý kiến:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q trình bày ông và bà D tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 224, quyển 02/2014, ngày 20/11/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do bà D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và thường xuyên bỏ nhà đi. Vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Ông Q đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không được. Ngoài ra vợ chồng không còn mâu thuẫn gì khác. Nay bà D yêu cầu ly hôn ông Q không đồng ý do vẫn còn tình cảm với vợ.

Về quan hệ con chung: Ông Q và bà D không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Diễn biến tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Trương Mạch Q

Bị đơn ông Trương Mạnh Q vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim D và ông Trương Mạch Q quen biết và tiến đến hôn nhân đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 20/11/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2017, bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tính tình ông Q bắt đầu thay đổi,

gia trưởng hơn, ông Q dùng nhiều lời lẽ nặng nề xúc phạm bà D. Cả hai nhiều lần tìm giải pháp hàn gắn nhưng không được, bắt đầu sống ly thân từ năm 2018. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Q.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông Q mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà D là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với ông Trương Mạch Q.

Về con chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Kim D và ông Trương Mạch Q là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Q, tuy nhiên ông Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Q tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 20/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất hòa, về sau không còn hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã, ông Q có nhiều lời lẽ xúc phạm bà D. Ngoài ra, ông Q không quan tâm chăm sóc cho bà D, từ đó dẫn đến việc vợ chồng ly thân. Vì vậy, bà D yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Bị đơn ông Trương Mạch Q trình bày thống nhất với bà D về điều kiện tiến tới hôn nhân, thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên hiện nay ông Q vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà D, ông Q và tạo thêm thời gian để bà D, ông Q có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Q vì hiện nay bà không còn tình cảm với chồng, mặc dù đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được, mâu thuẫn, cãi vã vẫn thường xảy ra.

Xét thấy, qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, bà D và ông Q đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến vợ chồng ly thân. Ông Q không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà D, tuy nhiên bà D và ông Q đều xác nhận từ khi vợ chồng ly thân đến nay giữa vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà D và ông Q trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ đó cho thấy giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm và chia sẻ lẫn nhau, thực tế hôn nhân của ông, bà không tồn tại từ năm 2022 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà D và ông Q cũng xác định từ khi vợ chồng ly thân thì giữa vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm. Xét thấy, hôn nhân phải xuất phát từ sự nguyện của vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*”. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên cũng như tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà D vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn vì tình cảm của bà D dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà D và ông Q không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông Q.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim D. Bà Huỳnh Thị Kim D được ly hôn với ông Trương Mạnh Q.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

+ Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001360 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

+ Về quyền kháng cáo:

- Bà Huỳnh Thị Kim D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Ông Trương Mạnh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

